PHÒNG GD&ĐT CƯ KUIN
TRƯỜNG TH NƠ TRANG LƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05/KHGD-NT

Ea Tiêu, ngày 25 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2024 – 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội về Đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa Giáo dục phổ thông;

Căn cứ vào Thông tư 04/2014/TT- BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành qui định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Đổi mới chương trình, SGK phổ thông";

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn Thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021;

Kế hoạch số 1990/SGDĐT-GDTH ngày 23/12/2019 của Sở GD&ĐT Đăk Lăk về Kế hoạch triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

Thực hiện Công văn số 253/PGD&ĐT-CMTH ngày 03/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2024-2025.

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2023-2024, căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, trường tiểu học Nơ Trang Lơng xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024 -2025

1. Đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội địa phương.

Xã EaTiêu nằm cách trung tâm huyện khoảng 12 km, có diện tích tự nhiên 4620 ha, trong đó đất nông nghiệp 4,08 ha; địa bàn xã được phân bố thành 21 thôn buôn, trong đó có 14 thôn, có 7 buôn là đồng bào dân tộc tại chỗ, chiếm 40% dân số toàn xã. Xã có 03 công ti do nhà nước quản lí và sử dụng trên địa bàn. Trên địa bàn xã có 11 trường học (01 trường PTTH, 02 trường THCS, 04 trường TH, 04 TRƯỜNG mẫu giáo), có 03 tôn giáo, đó làTin lành, Công giáo và phật giáo.

1.1. *Thuận lợi:*

Được sự quan tâm và chỉ đạo của các cấp, nhân dân các thôn buôn luôn đồng sức, đồng lòng thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đảng uỷ, HĐND về chương trình, kế

hoạch đề ra. Nhân dân trên địa bàn xã chấp hành tốt các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, nghĩa vụ công dân tại địa phương, đoàn kết, cần cù lao động, phát triển kinh doanh, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, cùng nhau xây dựng phát triển kinh tế- xã hội đảm bảo ANQP và chung tay xây dựng nông thôn mới.

1.2. *Khó khăn:*

Xã có địa bàn rộng, dân số đông, đất đai khép kín, trình độ dân trí, năng lực sản xuất, thu nhập của nhân dân không đồng đều, khu dân cư sinh sống không tập trung, nên có khó khăn cho việc quản lí, chỉ đạo và đầu tư phát triển chung trên địa bàn.

2. Đặc điểm của nhà trường năm học 2024-2025.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường.

- Luôn nhận được sự quan tâm của Sở GD&ĐT, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; sự chỉ đạo sát sao của Phòng GD&ĐT Cư Kuin về thực hiện nhiệm vụ năm học; được sự ủng hộ, quan tâm của Đảng ủy, chính quyền địa phương và nhân dân xã Ea Tiêu và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

- Trường có 19 lớp với 488 học sinh, HS nữ 240 em; HS dân tộc 442.em; nữ dân tộc 219 em; bộ máy tổ chức đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Số học sinh/lớp đảm bảo đúng quy định, đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc giáo viên có thể dạy đến từng học sinh.

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Trên 85% học sinh ngoan, tích cực học tập và rèn luyện, hăng say các hoạt động tập thể.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, viên chức quản lí.

- Viên chức quản lý của trường gồm 3 đồng chí đều có trình độ Đại học và Trung cấp chính trị. Đội ngũ viên chức quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc chung.

***Đội ngũ:**

- Tổng số CB-GV-NV: 39*; Trong đó:*

+ CBQL: 03; GV: 29; NV: 07;

+ Nữ: 32; Tỷ lệ: 83,8%; Nữ DTTS: 09; Tỷ lệ: 24,3%;

+ VC người DTTS: 09; Tỷ lệ: 24,3%;

- Trình độ đào tạo:

+ Đại học: 29, tỷ lệ: 83,8 % ; GV: 26, tỷ lệ: 70,27% ;

+ Cao đẳng: 04; chiếm tỷ lệ: 10,8% ;

+ Trung cấp: 03; chiếm tỷ lệ: 2,7%

+ Sơ cấp: 02 (bảo vệ); chiếm tỷ lệ: 5,12% ;

- Giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi các cấp qua các thời kì: Cấp huyện: 12; cấp tỉnh: 03.

- Trường có các giáo viên được đào tạo chính quy về Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Tiếng Anh, Tin học nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả.

- Chất lượng giáo dục đảm bảo ổn định và được nâng cao: học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 98,5%; 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Cơ sở vật chất nhà trường tương đối đảm bảo đáp ứng phục vụ dạy học theo yêu cầu hiện tại. Có hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy.

- Nhà trường đã quản lý và sử dụng hợp lý nguồn ngân sách chi thường xuyên và thực hiện nghiêm túc các khoản đóng góp từ nhân dân.

- Trường có 2 điểm , điểm chính đóng tại buôn Tiêu, điểm phân hiệu đóng tại buôn Bung xã EaTiêu.

- Tổng số có 19 phòng học.

- Để đạt được được các mục tiêu lớn của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về cơ sở vật chất, về con người nhưng cả hai nội dung này các cơ sở giáo dục đang hoàn toàn phụ thuộc vào chính quyền các cấp: xã, huyện, tỉnh.

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018; Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh lớp 1,3,4,5 (9 buổi/tuần, lớp 2 học 8 buổi/tuần mỗi ngày không quá 7 tiết).

- Tổ chức lớp học, phân công giáo viên và xây dựng bộ máy tổ chức theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các điều kiện.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

1. Mục tiêu chung

Xây dựng trường học an toàn, thân thiện, bình đẳng, kỷ cương; nâng cao chất lượng giáo dục; cán bộ, giáo viên tích cực, sáng tạo; học sinh có cơ hội học tập, phát triển năng lực và phẩm chất, yêu thích đi học, cảm nhận mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu năm học 2024-2025, trường tiểu học Nơ Trang Lơng đạt các mục tiêu sau:

- Thực hiện hiệu quả về đổi mới giáo dục, dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học;

- 98- 99% học sinh được đánh giá mức đạt trở lên về phẩm chất và năng lực, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào thực tế.

- Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của học sinh.

- Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.

- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực.

- Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao kiến thức trình độ chuyên môn, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tổ (nhóm).

- Tạo không khí làm việc thân thiện, dân chủ; phát huy năng lực, sở trường, khả năng sáng tạo của giáo viên, thực hiện tốt văn hóa công sở.

- Trên 98,5% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- Phấn đấu 339/488 = 69,5% học sinh được khen thưởng cấp trường. Học sinh tham gia tích cực các phong trào do cấp trên tổ chức và đạt giải.

- Quan tâm công tác dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018) vào lớp 1.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

1. Thực hiện chương trình giáo dục

1.1. Kế hoạch chung

Căn cứ khung chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành theo Thông tư 32/2018 của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của các cấp nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết cho các môn học.

Kế hoạch dạy học đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Đối tượng học sinh theo từng khối lớp, điểm trường, đồng thời phải đảm bảo dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học. Cụ thể: đối với lớp 1, 3,4,5 dạy các môn theo quy định của Chương trình GDPT 2018 với thời lượng 32 tiết/tuần *(Đối với khối 2, học 8 buổi/tuần/29 tiết)*.

Các tổ (nhóm) chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học, chủ đề dạy học phù hợp; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống; tăng cường các hoạt động trải nghiệm giúp học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập các môn đạo đức…lồng ghép nội dung lịch sử địa phương, lịch sử truyền thống cách mạng và các môn học chihs khoá, hoạt động ngoài giờ lên lớp, quan tâm giáo dục học sinh về lòng têu nước, lòng tự hào dân tộc…Tổ chức nghi thức chào cờ Tổ quốc và hát Quốc ca đầu tuần, thục hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy.

Thực hiện nghiêm quy định về phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Công văn số 1692/SGDDT- TCCB- CTTT ngày 16/10/2023 về tăng cường công tác phòng chống bạo lực học đường.

Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục An toàn giao thông trong trường học, chú trọng công tác đảm bảo ATGT cho HS tại khu vực cổng trường.

Các tiết học tăng thời lượng (2 buổi/ngày) ở các khối lớp được bố trí như sau: Tiết giáo dục kỹ năng sống tất cả các khối lớp: Sử dụng tài liệu kỹ năng sống, tài liệu văn hóa giao thông để dạy. Dạy kỹ năng phòng, tránh đuối nước, tai nạn thương tích vào chương trình giáo dục kỹ năng sống theo hướng dẫn của Sở, Phòng GD&ĐT. Ngoài ra, thực hiện lồng ghép các nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh lồng ghép trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các tiết dạy của môn đạo đức, lồng ghép giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục an toàn giao thông, văn hóa giao thông trong các môn học: Đạo đức, Tiếng Việt, TN&XH, Lịch sử, Địa lý.

Tiết học tăng cường tiếng Việt và Toán đối với các khối lớp nhằm giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng và phát triển các năng lực, phẩm chất.

1.2. Kế hoạch cụ thể

1.2,1. Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

a) Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1

- *Đối với lớp 1 và lớp 2*: Nhà trường chưa đủ điều kiện để thực hiện.

- *Đối với lớp 3 và lớp 4, 5*: Triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc (tiếng Anh) bảo đảm tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT (Dạy 4 tiết/tuần).

- Tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học ngoại ngữ qua truyền hình, các phương tiện truyền thông, các nguồn học liệu phù hợp. Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, hoạt động tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, 5 theo yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT;

1.2.2. Thực hiện hiệu quả tổ chức dạy học môn học tiếng Dân tộc thiểu số

- Tiếp tục triển khai thực hiện dạy học tiếng Êđê theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu của học sinh; chương trình môn tiếng Êđê thực hiện theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái; sử dụng bộ sách giáo khoa tiếng Êđê xuất bản năm 2013 để dạy học và thực hiện điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn. *(Nhà trường tổ chức dạy tiếng Ê đê cho học sinh người dân tộc thiểu số lớp 3,4,5 mỗi tuần 02 tiết).*

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình "Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng DTTS trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2030".

1.2.3. Thực hiện dạy học nội dung giáo dục "Địa phương em" và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Thực hiện dạy học Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk theo bộ tài liệu đã được Bộ GDĐT phê duyệt. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương; phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện dạy học nội dung giáo dục địa phương và nội dung giáo dục "Địa phương em" (lớp 4) được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường; thực hiện dạy học mạch nội dung giáo dục "Địa phương em" trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" theo quy định của CTGDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí lớp 4.

1.2.4. Triển khai giáo dục STEM

Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ, Sở GDĐT16 với những yêu cầu cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo quy định.

- Thành lập tổ giáo viên cốt cán giáo dục STEM; tổ chức tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, tư vấn, kiểm tra hướng dẫn xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; tổ chức chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm đảm bảo triển khai thực hiện giáo dục STEM đạt chất lượng, hiệu quả và thiết thực.

- Đẩy mạnh tổ chức giáo dục STEM thông qua các hình thức:

+ Tổ chức bài học STEM, thông qua hình thức dạy học tích hợp nội môn. Số lần tổ chức bài học STEM tối thiểu 03 bài học/học kỳ/lớp học.

+ Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm STEM phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và nguyện vọng của học sinh thông qua mô hình câu lạc bộ, ngày hội STEM, dự án học tập STEM hoặc hoạt động trải nghiệm STEM phù hợp.

- Kế hoạch giáo dục STEM được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tích cực tham mưu các cấp quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh.

1.2.5. Triển khai các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

a) Tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án "Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025", cụ thể:

- Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; triển khai dạy học tăng cường tiếng Việt theo các tài liệu đã được Bộ GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt; tham mưu bố trí kinh phí tổ chức triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; bố trí đội ngũ giáo viên, phòng học để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

- Đối với lớp 1: Sử dụng tối đa thời gian sau ngày tựu trường và đầu năm học để tổ chức dạy làm quen, tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS; dạy tăng thời lượng môn Tiếng Việt tối thiểu từ 4 tiết/tuần; tổ chức ôn tập, củng cố giúp học sinh đạt được các năng lực đọc, viết, nói và nghe theo yêu cầu cần đạt của chương trình2; sử dụng có hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, học liệu, các tiện ích, phần mềm, hình ảnh; ưu tiên bố trí đủ tỉ lệ giáo viên, phòng học để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, nâng cao chất lượng học sinh lớp 1 DTTS.

- Đối với lớp 2, lớp 3, lớp 4 Tổ chức ôn tập, củng cố tiếng Việt cho học sinh sau kì nghỉ hè; thực hiện dạy tăng thời lượng môn Tiếng Việt tối thiểu 2 - 3 tiết/tuần, giúp

học sinh đạt được các năng lực đọc, viết, nói và nghe theo yêu cầu cần đạt của chương trình.

- Thực hiện dạy học đúng, đủ nội dung chương trình các môn học/hoạt động giáo dục theo quy định; quan tâm tăng cường tiếng Việt trong các môn học/hoạt động giáo dục; đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá nhằm phát huy năng lực, phẩm chất học sinh DTTS; sử dụng có hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, học liệu, các tiện ích, phần mềm, hình ảnh để nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt; bố trí đội ngũ giáo viên, phòng học để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

b) Tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

- Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện; tập huấn và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về nội dung, phương pháp dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một phù hợp với điều kiện của nhà trường; kịp thời khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhằm phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; theo dõi, hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một tại nhà trường

1.2.6. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật; trẻ em lang thang, cơ nhỡ

Đối với trẻ khuyết tật

- Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật, xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật. Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục người khuyết tật của đơn vị; bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập. Thúc đẩy công tác giáo dục hòa nhập, bảo đảm quyền được học, được tiếp cận với giáo dục đối với trẻ em khuyết tật.

1.3. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

- Tiếp tục áp dụng linh hoạt những thành tố tích cực của mô hình trường học mới[1]; phương pháp học thông qua chơi; phương pháp Bàn tay nặn bột; giáo dục STEM; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; "Sơ đồ tư duy" … chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Tất cả các khối lớp thực hiện đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá và bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng; đánh giá khách quan, chính xác việc đáp ứng mục tiêu cần đạt của học sinh đối với chương trình môn học; kiên quyết không để học sinh "ngồi nhầm lớp"; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

***Tình hình học sinh**

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Dân tộc	Nữ	Nữ DT	Hộ nghèo	Cận nghèo	Khuyết tật
Một	5	96	89	50	46	11	4	**3**
Hai	4	108	97	50	47	15	5	
Ba	4	106	96	50	45	14	4	
Bốn	3	97	85	50	43	11	3	**1**
Năm	3	81	75	40	38	15	5	**1**
Tổng cộng	**19**	**488**	**442**	**240**	**219**	**66**	**21**	**05**

IV.1.2. Quy định số tiết dạy

- Đối với lớp 1

TT	Môn học	Khối lớp 1		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	216	204	420
2	Toán	54	51	105
3	Đạo đức	18	17	35
4	Tự nhiên và Xã hội	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tăng cường Toán	36	34	70
9	Tăng cường tiếng Việt	54	51	105
10	Tiết đọc thư viện	18	17	35
Tổng số tiết		**1.120 tiết**		
Tổng số tiết/tuần		**1120 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần**		
Số buổi dạy		**9 buổi/tuần**		

- Đối với lớp 2

TT	Môn học	Khối lớp 2		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	180	170	350
2	Toán	90	85	175
3	Đạo đức	18	17	35
4	Tự nhiên và Xã hội	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tiết đọc thư viện	18	17	35
9	Tăng cường tiếng Việt, em nói TV	36	34	70
Tổng số tiết		**1.110 tiết**		
Tổng số tiết/tuần		**1015 tiết/35 tuần = 29 tiết/tuần**		
Số buổi dạy		**8 buổi/tuần**		

- Đối với lớp 3

TT	Môn học	Khối lớp 3		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	126	119	245
2	Toán	90	85	175
3	Đạo đức	18	17	35
4	Tự nhiên và Xã hội	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tiết đọc thư viện	18	17	35
9	Tăng cường tiếng Việt	18	17	70
10	CN-Tin	36	34	70
11	Dạy tiếng Ê-đê	36	34	70
Tổng số tiết		**980 tiết**		
Tổng số tiết/tuần		**980 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần**		
Số buổi dạy		**9buổi/tuần**		

- Đối với lớp 4

TT	Môn học	Khối lớp 3		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	126	119	245
2	Toán	90	85	175
3	Đạo đức	18	17	35
4	Khoa học	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tiết đọc thư viện	18	17	35
9	Dạy học tiếng Ê-đê	36	34	70
10	Lịch sử & Địa lí	36	34	70
11	Tiếng Anh	36	34	70
12	Tin- CN	36	34	70
13	TCTV(dạy tăng cường ngoài giờ chính khoá)	36	34	70
Tổng số tiết		**980 tiết**		
Tổng số tiết/tuần		**980 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần**		

- Đối với lớp 5

TT	Môn học	Khối lớp 3		
		HK1	HK2	CN
1	Tiếng Việt	126	119	245
2	Toán	90	85	175
3	Đạo đức	18	17	35
4	Khoa học	36	34	70
5	Giáo dục thể chất	36	34	70
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70
7	Hoạt động trải nghiệm	54	51	105
8	Tiết đọc thư viện	18	17	35
9	Dạy học tiếng Ê-đê	36	34	70
10	Lịch sử & Địa lí	36	34	70
11	Tiếng Anh	36	34	70
12	Tin- CN	36	34	70
13	TCTV(dạy tăng cường ngoài giờ chính khoá)	36	34	70
Tổng số tiết		**980 tiết**		
Tổng số tiết/tuần		**980 tiết/35 tuần = 32 tiết/tuần**		
Số buổi dạy		**9buổi/tuần**		

2. Tổ chức thực hiện dạy học 2 buổi/ngày:

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả học sinh khối lớp 1,3,4,5 đảm bảo mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết học 35 phút, 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần (Đối với khối lớp 2 dạy học 8 buổi/tuần, đảm bảo mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết học 35 phút, 8 buổi/tuần với 29 tiết/tuần.

- Đảm bảo thực hiện đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong các giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

- Các hoạt động giáo dục trong các giờ chính khóa được tiến hành thông qua dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục do bộ ban hành.

- Các hoạt động giáo dục ngoài chính khóa bao gồm các hoạt động về khoa học, văn học, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng tránh các tai nạn thương tích, các tệ nạn xã hội, giáo dục kĩ năng sống, ... được tổ chức để học sinh trải nghiêm thông qua các hoạt động vui chơi, tham quan, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường, hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

- Đảm bảo các điều kiện về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất trang thiết bị, môi trường học tập, sinh hoạt để tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục nhằm phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục.

3. ***Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá***

3.1) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

- Tiếp tục áp dụng linh hoạt những thành tố tích cực của mô hình trường học mới; phương pháp học thông qua chơi; giáo dục STEM; dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới; "Sơ đồ tư duy" … chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

- Thực hiện đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TTBGDĐT; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Làm tốt xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh "ngồi nhầm lớp"; thực hiện

khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên, biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

3.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống

- Thực hiện dạy học gắn lí thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học và hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch "Phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước trẻ em trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk giai đoạn 2017-2020"; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2424/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch "Tăng cường giáo dục kỹ năng sống trong các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện".

- Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực, hiệu quả thông qua giờ học Âm nhạc các tiết học dành cho địa phương, sinh hoạt câu lạc bộ…

- Phát triển văn hóa đọc bằng cách khai thác sử dụng thư viện - phòng đọc của trường, thư viện thân thiện, tổ chức các câu lạc bộ khoa học....

3.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh:

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 27 /2020/TT-BGD&ĐT ngày ..tháng ...năm 2020. Cần chú ý đến việc đánh giá 5 phẩm chất – các năng lực cốt lõi (3 năng lục chung và 7 năng lực đặc thù). Chú ý đến đánh giá mức độ hoàn thành bài học, môn học. Đảm bảo việc đánh giá thường xuyên với việc đánh giá định kỳ. Trong kiểm tra đánh giá chú ý đến mức độ hoàn thành bài học đối với tất cả học sinh. Đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc quan sát, hỏi đáp và viết.

Cụ thể:

- Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn tiếp tục tập huấn nâng cao năng lực đánh giá thường xuyên, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên.

- Phụ trách chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng ma trận, giáo viên ra đề theo ma trận đã được xây dựng. Đề kiểm tra đảm bảo yêu cầu theo 4 mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng sáng tạo; Kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm khách quan, đảm bảo sự phù hợp đối tượng học sinh theo từng khối lớp.

- Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn thông qua dự giờ thăm lớp kiểm tra việc đánh giá học sinh của mỗi giáo viên để hỗ trợ, tư vấn nâng cao năng lực cho giáo viên về kỹ thuật đánh giá thường xuyên. Việc kiểm tra, đánh giá nhằm mục đích biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không, để giáo viên chủ động điều chỉnh phương pháp dạy học linh hoạt, hiệu quả hơn; thúc đẩy sự tiến bộ về năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, không khen tràn lan gây mất lòng tin và gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

4. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm:

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ điểm của từng tháng.

- Mỗi tháng tổ chức 1 buổi trải nghiệm theo chủ điểm của tháng như "Hội diễn văn nghệ về thầy cô và mái trường", thi tìm hiểu về truyền thống anh bộ đội Cụ Hồ,…

- Tổ chức trải nghiệm ngoài nhà trường cho HS như: thăm viếng đài liệt sĩ xã,…

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung hoạt động	Người phụ trách
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Chúng em vui Tết Trung thu	PHT, TPT, GV
Tháng 10	Mẹ và cô giáo	Kể chuyện, đọc thơ, hát về mẹ	PHT, TPT, GV
Tháng 11	Biết ơn thầy cô giáo	Hội diễn văn nghệ	PHT, TPT, GV
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về truyền thống bộ đội Cụ Hồ	PHT, TPT, GV
Tháng 01	Mừng Đảng, mừng xuân	Hội chợ tết quê em	PHT, TPT, GV
Tháng 02	Mừng Đảng, mừng xuân	Tìm hiểu về Đảng và Bác	PHT, TPT, GV
Tháng 03	Mẹ và cô giáo	Biểu diễn thời trang	PHT, TPT, GV
Tháng 04	Hội vui học tập	Thi Rung chuông vàng	PHT, TPT, GV
Tháng 05	Bác Hồ kính yêu	Đại hội cháu ngoan Bác Hồ	PHT, TPT, GV

V. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NĂM HỌC

1. Quy định thời gian học:

Thực hiện Quyết định số 2168 /QĐ-UBND ngày 12/ 8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Lăk về Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

- Ngày tựu trường: ngày 29/8/2024. Riêng đối với lớp 1, tựu trường vào ngày 22 tháng 8 năm 2024.
- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024.
- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2024 đến trước ngày 18/01/2025 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Học kỳ II: Từ ngày 20/01/2025 đến trước ngày 31/5/2025 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
- Ngày kết thúc năm học: Trước ngày 31 tháng 5 năm 2025.
- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở trước ngày 30 tháng 6 năm 2025.

LỊCH DẠY BÙ CÁC NGÀY NGHỈ LỄ, NĂM HOC 2024 – 2025

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỜI GIAN DẠY BÙ	GHI CHÚ
Tuần 18	Nghỉ tết Dương lich ngày 1/1/2025 (Thứ tư)	Dạy bù vào thứ 7, ngày 04/01/2025	
Tuần 20	Nghỉ Tết Âm lịch. Từ thứ 7 (ngày 26/12/âm lịch, tức ngày 25/01/2025 đến hết ngày 02/02/2025, tức ngày 05/01 âm lịch)	Dạy nối tiếp chương trình, thực hiện từ tuần 21, vào ngày 26/01/2025 (Tức ngày 06/01 âm lịch)	
Tuần 31	Nghỉ ngày 10/3 âm lịch giỗ tổ Hùng Vương (tức thứ 2, ngày 07/4 dương lịch)	Dạy bù vào thứ 7 (Ngày 12/4/2025)	
Tuần 33	Nghỉ ngày 30/4; 01/5 (Tức thứ 4, thứ 5)	Dạy bù vào thứ 7, ngày 3/5 và chiều thứ 4, ngày 7/5.	

3. Thời gian biểu hàng ngày

BUỔI	TIẾT	THỜI GIAN	GHI CHÚ
SÁNG	Tiết 1	7h15P – 7h 50p	- 6h 55p đánh trống vào, sau đó Thể dục và GVCN sinh hoạt 15 phút đầu giờ, riêng thứ 2 và thứ 6 Đội sinh hoạt sao 15p đầu giờ;
	Tiết 2	7 giờ 55 – 8h 30p	
	Ra chơi	**8h 30p – 8h 50p**	
	Tiết 3	8h 55p – 9h 30p	
	Tiết 4	9h 35p – 10h 15p	
CHIỀU	Tiết 1	14h 00p – 14h 35p	- 13h55p đánh trống vào; - 14h 00p bắt đầu vào tiết 1;
	Tiết 2	14h 40p – 15h 15p	
	Ra chơi	**15h 15p – 15h 35p**	
	Tiết 3	15h 40p – 16h 15p	

3. Bảng tổng hợp kế hoạch dạy học

Bảng phân phối chương trình lớp 1 – Học kỳ 1

Môn/ tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
T. Việt	13	13	12	10	12	12	12	12	13	13	10	12	13	13	12	10	12	12	**216**
Toán	3	3	3	3	3	3	2	4	3	3	2	4	3	3	3	3	3	3	**54**
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	2	2	**36**
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
NT	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
HĐTN	2	2	2	6	2	2	6	2	2	2	5	3	2	2	2	6	3	3	**54**
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	**25**	**25**	**24**	**26**	**25**	**24**	**26**	**25**	**25**	**25**	**24**	**26**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**425**
TC TV	3	3	3	2	3	4	2	3	3	3	4	3	3	3	3	3	3	3	**54**
TC Toán	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**53**
Tổng số tiết/tuần	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**576**

4. Bảng phân phối chương trình lớp 1 – Học kỳ 2

Môn/ tuần	**19**	**20**	**21**	**22**	**23**	**24**	**25**	**26**	**27**	**28**	**29**	**30**	**31**	**32**	**33**	**34**	**35**	**Tổng thời lượng**
T. Việt	13	13	10	12	12	12	12	10	13	13	12	13	13	12	10	10	13	**204**
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**17**
TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**34**
HĐTN	2	2	5	3	3	3	3	5	2	2	3	2	2	3	5	5	2	**51**
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**25**	**425**
Tăng cường TV	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	3	3	**51**
Tăng cường Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**51**
Tổng số tiết/tuần	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**544**

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 2 - HỌC KÌ I																				
TT	Môn /tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
1	Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	**180**
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**90**
3	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
4	TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
5	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
6	Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
7	HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
8	TCT	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
9	TC TV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
10	ENTV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
12	TStiết/ tuần	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**576**

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 2 - HỌC KÌ II																				
TT	Môn /tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	Tổng thời lượng
1	Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	6	10	10	4	**170**
2	Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	1	**85**
3	Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	**17**
4	TN&XH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	**34**
5	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	**34**
6	Nghệ thuật	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	**34**
7	HĐ TN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	**51**
8	TC TV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	**34**
9	TC T	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	**51**
10	ENTV	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	**34**
11	TStiết/ tuần	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**18**	**32**	**32**	**14**	**544**

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3- HỌC KỲ 1

TT	Môn /tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
1	**Tiếng Việt**	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	**126**
2	**Toán**	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**90**
3	**CN và Tin**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
4	**Đạo đức**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
5	**TN&XH**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
6	**GDTC**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
7	**Nghệ thuật**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
8	**HĐTN**	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
9	**TCT**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
10	**TC TV**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
11	**Tiếng anh**	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
12	**TStiết/ tuần**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**576**

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 3- HỌC KỲ 2

TT	Môn /tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	Tổng thời lượng
1	**Tiếng Việt**	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	**126**
2	**Toán**	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**90**
3	**CN và Tin**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
4	**Đạo đức**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	**17**
5	**TN&XH**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	**34**
6	**GDTC**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	**34**
7	**Nghệ thuật**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	**34**
8	**HĐ TN**	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	**51**
9	**TC TV**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
10	**TC T**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
11	**Tiếng Anh**	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
12	**TStiết/ tuần**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**28**	**32**	**32**	**26**	**566**

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 4- HỌC KỲ 1

TT	Môn /tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
1	**Tiếng Việt**	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	**126**
2	**Toán**	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**90**

3	**CN và Tin**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
4	**Đạo đức**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	**18**
5	**Khoa học**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
6	**GDTC**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
7	**Lịch sử&địa lí**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
8	**HĐTN**	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**54**
9	**TCT**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
10	**TC TV**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
11	**Tiếng anh**	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
12	**TStiết/ tuần**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**576**

BẢNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH LỚP 4- HỌC KỲ 2																				
TT	**Môn /tuần**	**19**	**20**	**21**	**22**	**23**	**24**	**25**	**26**	**27**	**28**	**29**	**30**	**31**	**32**	**33**	**34**	**35**	**36**	**Tổng thời lượng**
1	**Tiếng Việt**	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	**126**
2	**Toán**	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**90**
3	**CN và Tin**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
4	**Đạo đức**	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	**17**
5	**Khoa học**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	1	**34**
6	**GDTC**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	**34**
7	**Lịch sử-địa lí**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	**34**
8	**HĐ TN**	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	1	3	3	2	**51**

9	**TC TV**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
10	**TC T**	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	**36**
11	**Tiếng Anh**	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	**72**
12	**TStiết/ tuần**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**32**	**28**	**32**	**32**	**26**	**566**

5. Thời khóa biểu

*Thời khóa biểu Khối 1

Buổi	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	HĐTN	Tiếng việt	GDTC	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	Toán	Tiếng việt	Toán	Toán
	TCTV	TCToán	TNXH	TĐTV	HĐTN
Chiều					
	Đạo đức	TCTV	GDTC	Tiếng việt	
	TNXH	TCTV	Mĩ Thuật	Tiếng việt	**SHCM**
	HĐTN	TCToán	Âm Nhạc	TC Toán	

*Thời khóa biểu Khối 2

Buổi	Thư hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	HĐTN	TNXH	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	HĐTN	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	TCTV	GDTC	Toán	Toán
	Toán	TCTV	Toán	TĐTV	TCToán
Chiều	TNXH	Tiếng việt		Âm nhạc	
	HĐTN	Tiếng việt		Mĩ thuật	**SHCM**
	Đạo đức	Toán		GDTC	

***Thời khóa biểu Khối 3**

Buổi	Thư hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	HĐTN	GDTC	Tiếng Anh	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	Tiếng việt	Tiếng Anh	Toán	Tiếng việt
	Tiếng việt	Tiếng việt	CN-Tin	TNXH	Toán
	Toán	Toán	CN-Tin	Đạo đức	HĐTN
Chiều	Tiếng Anh	Toán	TCTV	Mĩ thuật	
	Tiếng Anh	HĐTN	TCTV	GDTC	SHCM
	TĐTV	TNXH	TCToán	Âm nhạc	

***Thời khóa biểu Khối 4**

Buổi	Thư hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Sáng	HĐTN	Tiếng Anh	GDTC	Tiếng việt	Tiếng việt
	Tiếng việt	Tiếng Anh	Tiếng việt	Toán	Tiếng việt
	Tiếng việt	CN-Tin	Tiếng việt	Khoa học	Toán
	Toán	CN-Tin	Toán	TCTV	HĐTN
Chiều	Mĩ thuật	Lịch sử&Địa lí	Tiếng Anh	Toán	
	GDTC	Khoa học	Tiếng Anh	Lịch sử&Địa lí	**SHCM**
	Âm nhạc	TĐTV	Đạo đức	HĐTN	

***Thời khóa biểu Khối 5**

Thứ	Tiết	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
SÁNG	1	HĐTN	Tiếng Anh	GDTC	Tiếng việt	Tiếng việt
	2	Tiếng việt	Tiếng Anh	Tiếng việt	Toán	Tiếng việt
	3	Tiếng việt	CN-Tin	Tiếng việt	Khoa học	Toán
	4	Toán	CN-Tin	Toán	TCTV	HĐTN
CHIỀU	1	Lịch sử&Địa lí	Mĩ thuật	Tiếng Anh	Toán	
	2	Khoa học	GDTC	Tiếng Anh	Lịch sử&Địa lí	**SHCM**
	3	TĐTV	Âm nhạc	Đạo đức	HĐTN	

VI. CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU

1.Chất lượng giáo dục

* Toàn trường

Khối	TSHS	Các môn học và hoạt động giáo dục						Chưa hoàn thành		Hoàn thành CT lớp học	
		HTXS		HTT		HT					
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	96	14	14,6	20	20,8	60	62,5	02	2,1	94	97,9
2	108	12	11,1	19	17,6	73	67,6	04	3,7	104	96,3
3	106	12	11,3	18	17,0	76	71,7	0	0	106	100
4	97	10	10,3	22	22,7	65	67,0	0	0	97	100
5	81	12	14,6	21	25,6	48	59,8	0	0	81	100
TT	**488**	**60**	12,3	**100**	20,4	**323**	66,1	**06**	1,2	**482**	**98,8**

***Khối 1**

Phẩm chất		**TSHS**	**Tốt**		**Đạt**		**CCG**	
			SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước		96	60	62,5	36	37,5		
Nhân ái		96	63	65,6	33	34,4		
Chăm chỉ		96	48	50	48	50		
Trung thực		96	55	57,2	41	42,8		
Trách nhiệm		96	49	51	47	49		
Năng lực								
Tự chủ và tự học	Chung	96	34	35,4	60	62,5	2	2,1
Giao tiếp và hợp tác		96	34	35,4	61	63,5	1	1,1
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		96	34	35,4	60	62,5	2	2,1
Ngôn ngữ	Đặc thù	96	34	35,4	60	62,5	2	2,1
Tính toán		96	37	38,5	57	61,5	2	2,1
Khoa học		96	38	39,6	58	60,4		
Công nghệ		96						
Tin học		96						
Thẩm mỹ		96	40	41,7	56	58,3		
Thể chất		96	40	41,7	56	58,3		

***Khối 2**

	T	**Tốt**	**Đạt**	**CCG**

Phẩm chất		SHS	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước		108	63	58,3%	45	41,7%		
Nhân ái		108	62	57,4%	46	42,6%		
Chăm chỉ		108	44	40,7%	60	55,6%	4	3,7%
Trung thực		108	54	50%	54	50%		
Trách nhiệm		108	45	41,7%	59	54,6%	4	33,7%
Năng lực								
Tự chủ và tự học	Chung	108	36	33,3%	68	63%	4	3,7%
Giao tiếp và hợp tác		108	37	34,3%	67	62%	4	3,7%
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		108	35	32,4%	69	63,9%	4	3,7%
Ngôn ngữ	Đặc thù	108	40	37%	64	59,3%	4	3,7%
Tính toán		108	40	37%	64	59,3%	4	3,7%
Khoa học		108	37	34,3%	67	62%	4	3,7%
Công nghệ								
Tin học								
Thẩm mỹ		108	45	41,7%	63	58,3%		
Thể chất		108	42	38,9%	66	61,1%		

Khối 3

Phẩm chất		TSHS	Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước		106	93	87,7%	13	12,3	0	0
Nhân ái		106	68	75,5%	38	35,8	0	0
Chăm chỉ		106	62	58,5%	44	41,5%	0	0
Trung thực		106	73	68,9%	33	31,1%	0	0
Trách nhiệm		106	67	63,2%	39	66,8%	0	0
Năng lực								
Tự chủ và tự học	Chung	106	47	44,3%	59	55,7%	0	0
Giao tiếp và hợp tác		106	45	42,5%	61	57,5%	0	0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		106	40	37,7%	66	62,3%	0	0
Ngôn ngữ	Đặc thù	106	37	34,9%	69	65,1%	0	0
Tính toán		106	33	31,1%	73	68,9%	0	0
Khoa học		106	40	37,8%	66	62,2%	0	0
Công nghệ		106	30	28,3%	76	71,7%	0	0
Tin học		106	16	15%	90	84%	0	0
Thẩm mỹ		106	28	26,5%	78	73,5%	0	0
Thể chất		106	50	52,7%	45	47,3%	0	0
Êđê		106	40	37,8%	66	62,2%	0	0

Khối 4

Phẩm chất		TSHS	Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước		97	97	100	/	/	/	/
Nhân ái		97	70	67,9	27	32,1	/	/
Chăm chỉ		97	33	34,0	64	66,0	/	/
Trung thực		97	56	57,7	41	42,3	/	/
Trách nhiệm		97	50	51,5	47	48,5	/	/
Năng lực		97						
Tự chủ và tự học	Chung	97	40	41,2	57	58,8	/	/
Giao tiếp và hợp tác		97	40	41,2	57	58,8	/	/
Giải quyết vấn đề và ang tạo		97	47	48,6	50	51,4	/	/
Ngôn ngữ	Đặc thù	97	33	34,0	64	66,0	/	/
Tính toán		97	33	34,0	64	66,0	/	/
Khoa học		97	40	41,2	57	58,8	/	/
Công nghệ		97	35	36,1	62	63,9	/	/
Tin học		97	33	34,0	64	66,0	/	/
Thẩm mỹ		97	33	34,0	64	66,0	/	/
Thể chất		97	40	41,2	57	58,8	/	/
Thẩm mỹ		96	33	34,0	64	66,0	/	/
Thể chất		96	40	41,2	57	58,8	/	/

***Khối 5:**

Phẩm chất		TSHS	Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước		81	81	100	/	/	/	/
Nhân ái		81	60	73,2	21	26,8	/	/
Chăm chỉ		81	40	48,8	41	51,2	/	/
Trung thực		81	81	100	/	/	/	/
Trách nhiệm		81	40	48,8	41	51,2	/	/
Năng lực								
Tự chủ và tự học	Chung	81	33	40,2	48	59,8	/	/
Giao tiếp và hợp tác		81	33	40,2	48	59,8	/	/
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		81	33	40,2	48	59,8	/	/
Ngôn ngữ	Đặc thù	81	33	40,2	48	59,8	/	/
Tính toán		81	33	40,2	48	59,8	/	/
Khoa học		81	33	40,2	48	59,8	/	/
Công nghệ		81	33	40,2	48	59,8	/	/
Tin học		81	33	40,2	48	59,8	/	/

Thẩm mỹ		81	33	40,2	48	59,8	/	/
Thể chất		81	33	40,2	48	59,8	/	/

2. Duy trì sĩ số:

- Phấn đấu duy trì sĩ số đạt tỷ lệ 99 - 100% ;

3. Công tác học tập, bồi dưỡng CTGDPT 2018:

- Tiếp tục bồi dưỡng đại trà cho 100% GV và VCQL

- Kiểm tra toàn diện hoạt động sư phạm: 1/3 GV/năm học;

4. Công tác thi đua - khen thưởng:

- Đăng ký danh hiệu thi đua của nhà trường:

+ Tập thể:

- Tập thể lao động tiên tiến

- Công đoàn: vững mạnh xuất sắc.

- Đội TNTP Hồ Chí Minh: Liên đội xuất sắc cấp huyện.

- Chi bộ Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ

+ Cá nhân:

- Bằng khen cấp tỉnh: 01 đ/c; CSTĐ cấp tỉnh: 01

- CSTĐ cơ sở: 5 - 6 đ/c

- LĐTT: 32 – 33 đ/c

- GV giỏi cấp trường: 15 - 20 đ/c

- GV dạy giỏi cấp huyện 01 - 02 đc

- Sáng kiến kinh nghiệm: 50– 60% viên chức tham gia viết đề tài cấp trường;

- Sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện: 4 – 5 đề tài;

- Tham gia Hội thi tiết đọc thư viện giỏi cấp huyện: 01 - 02 đ/c

- Dự giờ 18 tiết/GV/năm học.

- Thao giảng 04 tiết/GV/năm học.

- Dự giờ đột xuất 50%/ tổng số GV.

- Lớp xuất sắc: 5 - 7 lớp;

- Khối xuất sắc: 2 – 3 khối;

- Ngoài ra, còn tổ chức các chuyên đề, hội thi theo kế hoạch chuyên môn của trường và của Phòng GD&ĐT cũng như do các cấp tổ chức.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVC, bổ sung thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;

- Ra các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục linh hoạt, phù hợp.

- Chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, công tác kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 9 buổi/tuần (đối với học sinh khối 1,3,4,5) 8 buổi/tuần (đối với học sinh khối 2). Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục và phân công giáo viên dạy cụ thể.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức chuyên đề cấp trường về dạy học cho tất cả các khối lớp; chú trọng đổi mới PPDH.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. đặc biệt chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình 2018.

- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo phân công.

- Tổng hợp báo các chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.

- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

4. Đối với giáo viên

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc mội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

5. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Thành lập các ban của liên đội để thức đẩy mọi hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

6. Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức các hoạt động của Thư viện phù hợp với thực tế.

7. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.

- Kiểm tra sư phạm nhà giáo kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

- Thực hiện xuyên suốt trong cả năm học *(Chú tâm đến việc đánh giá kết quả sau kiểm tra, kiểm tra lại)*.

- Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch tháng.

- Kiểm tra các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Theo kế hoạch tháng.

8. Chế độ báo cáo

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;

- Sơ kết từng học kỳ; Tổng kết chuyên môn;

- Báo cáo theo yêu cầu của ngành.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của trường tiểu học Nơ Trang Lơng./.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT (B/c)
- Đảng ủy, UBND xã
- Ban đại diện CMHS (phối hợp);
- Công đoàn trường
- Tổ trưởng chuyên môn, GV (t/h)
- Lưu: hồ sơ CM, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG GD&ĐT

……..

……..

……

……..

……..

……..

……

……

……

……

……

……

……

……